TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2019/DS-PT
Ngày: 12/11/2019
"V/v: Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân
- Các thẩm phán : 1/ Ông Phạm Hoàng Dũng
2/ Bà Lê Thị Minh Trang
- ***Thư ký phiên tòa:*** Cô Trần Thị Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Hồng Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân TP. Cần Thơ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 159/2019/TLPT - DS ngày 19/9/2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2019/DS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 296/2019/QĐ-PT ngày 15/10/2019 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: Bà Kha Thoại Đ, sinh năm: 1958
Địa chỉ: Phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. ***Bị đơn****:* Ông Lê Văn B, sinh năm: 1947
Đăng ký thường trú: phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.
Chổ ở: KV1, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.
Người đại diện theo ủy quyền của ông Bảnh: ông Nguyễn Thế S, sinh năm 1961 (theo giấy ủy quyền ngày 22/7/2019)
Địa chỉ: KV2, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

3**.** ***Người có quyền và nghĩa vụ liên quan***:
3.1. Ông Trần Đông X, sinh năm: 1965
3.2. Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1972
Địa chỉ: phường H, quận N, thành phố Cần Thơ. (ông Xvà bà Tcó yêu cầu giải quyết vắng mặt)
3.3. Ông Trần Văn E
Địa chỉ: Phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3.4. Bà Võ Thị H, sinh năm: 1951

Địa chỉ: phường H, quận N, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

Chổ ở: KV1, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hồng: ông Nguyễn Thế S, sinh năm 1961 (theo giấy ủy quyền ngày 22/7/2019)

Địa chỉ: KV2, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

3.5. Ông Lê Trung Ng, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Phường 1, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 22/01/2017 và trong quá trình giải quyết vu án nguyên đơn bà Kha Thoại Đ trình bày và yêu cầu*:

Vào năm 1996, bà và chồng là ông Trần Văn E có nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn B phần đất diện tích 162m^2. Địa chỉ tại phường H, quận N, thành phố Cần Thơ. Sau khi nhận chuyển nhượng, bà và ông E thực hiện các nghĩa vụ với nhà nước. Đến ngày 16/10/1996, bà đã được UBND tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I51795, số vào sổ 00089.QSDĐ, do UBND quận Ncấp cho hộ Kha Thoại Đ;

Đến năm 2013 bà có nhu cầu xây dựng và sử dụng diện tích đất nêu trên nên đã tiến hành xin cấp phép xây dựng và được UBND quận N cấp Giấy phép xây dựng, số 319/GPXD, ngày 26/3/2013. Tuy nhiên, khi tiến hành xây dựng thì phát sinh sự việc ông B giao đất không đúng diện tích như thỏa thuận chuyển nhượng đã được công nhận trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hai bên thương lượng không thành. Nên bà khởi kiện yêu cầu ông B giao đủ 162m^2 diện tích đất bà đã nhận chuyển nhượng và được ghi nhận cụ thể tại giấy chứng nhận số 00089, số thửa 101, tờ bản đồ số 3. Có chừa ra con hẻm 1,5m như thể hiện trên giấy CNQSDĐ của bà và các hộ xung quanh.

Ngày 04/5/2018, bà có làm đơn khởi kiện bổ sung: Yêu cầu tòa án giải quyết chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số HOI019.QSDĐ, do UBND quận N cấp cho ông Trần Đông X và bà Nguyễn Thanh T ngày 10/8/2017 nhưng sau đó bà đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện bổ sung nêu trên vì thông qua kết quả giải quyết và đo đạc, bà xác định giấy chứng nhận cấp cho ông X và bà T không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Ngoài ra, nguyên đơn còn trình bày: ngày 26/10/2016, bà cùng ông Trần Văn E chuyển nhượng toàn bộ diện tích nêu trên cho ông Lê Trung Ng, hai bên đã ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 4315, tại Văn Phòng công chứng C. Do diện tích đất chuyển nhượng đang có tranh chấp giữa bà và ông B nên chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng cho ông Ng.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn E trình bày*: Ông và bà Đ có nhận chuyển nhượng diện tích đất của ông B và đã được được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Đ, yêu cầu ông B và bà H giao trả cho ông và bà Đ đúng 162m^2 đất như đã thỏa thuận vào ngày 30/8/1996, có chừa ra con hẻm 1,5m. Ông yêu cầu tòa án giải quyết vắng mặt.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Đông X và bà Nguyễn Thanh T trình bày*: ông và bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Yêu cầu bị đơn là ông Lê Văn B phải trả lại 1,5m đường đi chung thể hiện trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông và của bà Đ. Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn, cụ thể là yêu cầu chỉnh lý giấy CNQSDĐ của ông bà và việc nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện bổ sung: Ông X và bà T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện bổ sung này. Nguyên đơn rút đơn khởi kiện, ông bà đồng ý và không có ý kiến khác.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Lê Trung Ng trình bày*: vào ngày 26/10/2016, ông, bà Đ và ông Trần Văn E thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ diện tích 162m2, đất theo giấy CNQDĐ số I551795, số vào sổ 00089.QSDĐ, do UBND tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp ngày 16/10/1996 cho bà Đ. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng, chứng thực hợp lệ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Đ và ông B phát sinh tranh chấp nên chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng cho ông.

Do ông Lê Văn B vắng mặt trong quá trình giải quyết nên vụ kiện thuộc trường hợp không hòa giải được. Tại bản án số 47/2019/DS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ đã tuyên như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Kha Thoại Đ về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất với bị đơn là ông Lê Văn B.

2. Buộc ông Lê Văn B và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H phải giao trả cho nguyên đơn phần đất có diện tích 162m^2, có chừa ra 1,5m, được ghi nhận là hẻm dự mở đúng như thể hiện tại giấy CNQSDĐ số I51795, số vào sổ 00089.QSDĐ, do UBND tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp ngày 16/10/1996 cho hộ bà Kha Thoại Đ và Bản trích đo địa chính ngày 04/8/2017 của Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường, thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn là bà Kha Thoại Đ về việc yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số HO1019.QSDĐ, do UBND quận N cấp cho ông Trần Đông X và bà Nguyễn Thanh T ngày 10/8/2017.

4. Về chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn phải chịu chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 (ba triệu) đồng. Nguyên đơn đã tạm ứng số tiền này, nên bị đơn có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với toàn bộ bản án sơ thẩm, ngày 15/7/2019 bị đơn ông Lê Văn B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H có đơn kháng cáo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bvà bà H trình bày: ông B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì thủ tục tống đạt không hợp lệ, ông B không nhận được văn bản tố tụng của Tòa án. Chứng cứ của Bản án sơ thẩm nêu ra không có căn cứ. Bà Đ tiến hành thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất thông qua dịch vụ, biên bản thẩm tra xác minh ngày 17/9/1996 là do ngụy tạo để chuyển mục đích sử dụng đất cho bà Đ. Bản án sơ thẩm không xác định được diện tích tranh chấp, tuyên buộc ông B trả 162m^2 là chưa đúng, vì việc giao nhận đất đã thực hiện từ năm 1996. Đề nghị sửa án sơ thẩm, nếu không đủ cơ sở để sửa án thì đề nghị hủy án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn bà Kha Thoại Đ cho rằng ông B giao thiếu diện tích đất nên vẫn giữ yêu cầu bị đơn giao thêm đất để đủ 162m^2 có chừa lối đi 1,5m giáp với đất nguyên đơn được cấp. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ y bản án sơ thẩm.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Lê Trung Ng thống nhất phần trình bày của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ vào đơn kiện và phần trình bày của nguyên đơn cho thấy tranh chấp giữa các đương sự phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp quyền sử dụng đất là chưa đúng.

Tòa án cấp sơ thẩm có những thiếu sót trong thu thập chứng cứ như:

Chưa thu thập chứng cứ từ cơ quan quản lý đất đai để làm rõ vì sao việc cập nhật quyền sử dụng đất của các hộ liền kề không thống nhất.

Nguyên đơn và phía bị đơn đều thừa nhận thực tế không có lối đi vào đất của nguyên đơn, Bản trích đo địa chính ngày 04/8/2017 lại thể hiện từ đường Trần Ngọc Q vào hẻm 278 đi vào đất của nguyên đơn có hẻm công cộng 1,5m là chưa đúng thực tế.

Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm đối với việc giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn bà Kha Thoại Đ với bị đơn ông Lê Văn B. Giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Qua Đơn khởi kiện ngày 22/01/2017 và phần trình bày của bà Kha Thoại Đ xác định được năm 1996 ông Lê Văn B có chuyển nhượng cho bà 162m^2 đất tọa lạc tại phường H, quận N, thành phố Cần Thơ, bà Đ đã đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất nhận chuyển nhượng, Bà Đ cho rằng ông B giao đất cho bà nhưng không đồng ý chừa lối đi 1,5m. Nếu chừa lối đi như đã thỏa thuận thì ông B giao cho bà không đủ theo diện tích đã chuyển nhượng nên bà yêu cầu ông B giao đủ diện tích đất cho bà và chừa lối đi theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà đã được cấp, bị đơn ông Lê Văn B thì cho rằng việc giao nhận đất đã thực hiện xong từ năm 1996. Từ đó cho thấy giữa nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp với nhau về nghĩa vụ giao nhận đất theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp quyền sử dụng đất là chưa chính xác cần điều chỉnh cho phù hợp.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Kha Thoại Đ không có kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân quận Nkhông có kháng nghị. bị đơn ông Lê Văn B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm với lý do Tòa án sơ thẩm xét xử vắng mặt bị đơn là chưa đúng quy định vì bị đơn không nhận được giấy triệu tập, bị đơn có nơi đăng ký thường trú tại đường T, phường H, thành phố Cần Thơ nhưng thực tế bị đơn không có mặt ở địa chỉ này vì căn nhà tại địa chỉ này bị đơn đã bán từ lâu. Biên bản ngày 17/9/1996 không phải chữ ký của bị đơn, biên bản này do phía nguyên đơn ngụy tạo để chuyển mục đích sử dụng đất. Xét thấy:

[3] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn ông Lê Văn B có địa chỉ tại đường T, phường H, thành phố Cần Thơ, quá trình thụ lý Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh và được Công an phường H, quận N, thành phố Cần Thơ xác nhận: "Đương sự Lê Văn B hiện đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 326 đường Tầm Vu, khu vực 1, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ. Hiện đương sự Bảnh còn sinh sống tại địa chỉ trên" (BL 10). Trong đơn kháng cáo bị đơn trình bày "bản án được quăng vào nhà của bị đơn…", từ đó cho thấy việc bị đơn cho rằng căn nhà tại đường T, khu vực 1, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ bị đơn đã bán từ lâu và là chưa đúng với thực tế. Quá trình giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng cho bị đơn tại địa chỉ đã được xác nhận, nhưng không tống đạt được nên Tòa cấp sơ thẩm đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng là theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét về mặt nội dung:

[4.1] Qua trình bày của bà Đ trong quá trình giải quyết vụ án và lời thừa nhận của người đại diện theo ủy quyền của ông Btại phiên tòa phúc thẩm xác định được năm 1996 bà Đ có nhận chuyển nhượng từ ông B162m^2 đất tọa lạc tại phường H, quận N, thành phố Cần Thơ. Bà Đ đã hoàn tất thủ tục đăng ký quyền sử dụng đối với diện tích nhận chuyển nhượng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00089 ngày 16/10/1996. Ông B trước đây đã được Chi cục quản lý đất đai tỉnh Hậu Giang (cũ) cấp giấy xác nhận số 102/GXN.Đ.90 ngày 24/12/1990, sau khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Đ đến năm 2007 ông B cũng tiến hành đăng ký lại quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02264 ngày 30/10/2007.

[4.2] Bà Đ khởi kiện và cung cấp chứng cứ là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00089 ngày 16/10/1996, theo đó thể hiện thửa đất bà được cấp quyền sử dụng có diện tích 162m^2, giáp liền theo thửa đất về hướng đông là hẻm dự mở 1,5m. Bà Đ cho rằng hẻm dự mở là là do ông B thỏa thuận chừa làm lối đi cho bà thể hiện quan Biên bản thẩm tra xác minh ngày 17/9/1996 và đã được cập nhật vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, qua đối chiếu với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông B thấy rằng phần đất ông B chuyển nhượng cho bà Đ có diện tích 162m^2 (18m x 9m) cập nhật trong giấy chứng nhận đã cấp cho ông B bao gồm cả phần đất nối tiếp theo sau "phần đất lấn đường nội bộ không được công nhận" nếu căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông B thì chiều ngang đất ông B đã chuyển nhượng cho bà Đ bao gồm cả hẻm dự mở được ghi nhận trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Bà Đ. Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập hồ sơ đăng ký lại quyền sử dụng đất của ông B và chưa thu

thập chứng cứ từ cơ quan quản lý đất đai để làm rõ vì sao việc cập nhật biến động quyền sử dụng đất giữa các hộ liền kề không thống nhất là có thiếu sót trong thu thập chứng cứ.

[4.3] Tại phiên tòa phúc thẩm bà Đ cho rằng nếu chừa lối đi 1,5m như đã thỏa thuận thì ông B giao thiếu đất cho bà khoảng 1,5m chiều ngang (tính về hướng tây) và yêu cầu ông B phải giao thêm đất cho bà để đủ 162m^2, bà Đ cũng xác định phần đất được ghi nhận lấn đường nội bộ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông B, từ trước đến nay ông B rào chắn để sử dụng nên bà không có lối đi và theo công văn số 908/2018/CV.TA ngày 31/7/2018 của Tòa cấp sơ thẩm thì "qua hai lần kiểm tra tại phần đất tranh chấp không có con hẻm nào". Tuy nhiên, Bản trích đo địa chính số 44/TTKTTNMT ngày 04/8/2017 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường – Sở Tài nguyên môi trường thành phố Cần Thơ lại thể hiện bà Đ đang sử dụng 162m^2 tại thửa 101, giáp liền theo thửa đất về hướng đông là hẻm công cộng 1,5m. Cho thấy, Bản trích đo này chỉ mới thể hiện nội dung yêu cầu của bà Đ mà chưa thể hiện đúng thực tế sử dụng đất.

[4.4] Mặc khác, theo công văn số 430/CNVPĐKĐĐ ngày 18/9/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận Nthể hiện: Căn cứ bản đồ địa chính 364 đang quản lý và lưu trữ tại Chi nhánh thì giáp phần đất của ông Trần Đông X– bà Nguyễn Thanh T và giáp với phần đất của Lê Văn ông B- bà Võ Thị H là con hẻm có kích thước khoảng 1,5m do Nhà nước quản lý. Nhưng chưa nêu rõ chiều dài phần hẻm do Nhà nước quản lý là bao nhiêu vì vậy cần thiết thu thập Bản đồ địa chính 364 để đối chiếu với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các đương sự, làm cơ sở xác định diện tích đất bà Đ yêu cầu chừa ra làm lối đi thuộc quyền sử dụng của ai.

[4.5] Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai quan hệ pháp luật tranh chấp, và có thiếu sót trong thu thập chứng cứ, cấp phúc thẩm không thể khắc phục nên cần thiết hủy án sơ thẩm đối với phần giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn bà Kha Thoại Đ với bị đơn ông Lê Văn B để xét xử lại, quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.6] Do trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, bị đơn ông Lê Văn B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H vắng mặt gây khó khăn cho việc thu thập chứng cứ, dẫn đến những thiếu sót nêu trên nên việc hủy án không phải do lỗi chủ quan của Tòa cấp sơ thẩm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[6] Do hủy án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu án phúc dân sự phúc thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác sẽ được xem xét khi giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 và Khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H.

1/ Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2019/DS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" giữa nguyên đơn bà Kha Thoại Đ với bị đơn ông Lê Văn B.

Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục chung.

2/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn là bà Kha Thoại Đ về việc yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất HO1019.QSDĐ, do Ủy ban nhân dân quận N cấp cho ông Trần Đông X và bà Nguyễn Thanh T ngày 10/8/2017.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: sẽ được giải quyết khi xét xử sơ thẩm lại (về yêu cầu khởi kiện của bà Kha Thoại Đ đối với ông Lê Văn B). Nguyên đơn bà Kha Thoại Đ được nhận lại 300.000đồng tiền tạm ứng án phí (đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung) đã nộp theo biên lai thu số 007834 ngày 25/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

4/ Án phí dân sự phúc thẩm: không ai phải chịu, ông Nguyễn Văn Bảnh, bà Võ Thị H mỗi người được nhận lại 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 001503 và 001504 cùng ngày 18/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự
- VKSND-TPCT;
- TAND Q. N;
- Chi cục THA.DS Q. N;
- Lưu (2b).

(đã ký)

Huỳnh Thị Bích Vân